

**UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1084/STC-QLNS

V/v Một số điểm lưu ý khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020

Bắc Giang, ngày 17 tháng 7 năm 2017

- Kính gửi: - Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh
- Các cơ quan Đảng, Đoàn thể
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13/7/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020; Công văn số 2375/UBND-TH ngày 18/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. Sở Tài chính đề nghị các Sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện xây dựng dự toán NSNN năm 2018 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018- 2020 theo Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13/7/2017 của Bộ Tài chính, trong đó cần chú ý một số nội dung sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2017

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

- Đánh giá, phân tích các tác động, nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2017;

- Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu theo Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 19/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2017; triển khai thực hiện các chính sách thuế được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực trong năm 2017, bao gồm mở rộng phạm vi thu NSNN theo Luật NSNN và Luật phí và lệ phí; tình hình triển khai thực hiện các quy định mới của Luật NSNN có hiệu lực từ năm 2017.

- Đánh giá tình hình thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế năm 2017;

- Đánh giá kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu, thu hoạt động sự nghiệp, thu khác và các khoản thu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2017.

2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSNN

2.1. Chi đầu tư phát triển

a. Đánh giá công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công và điều chỉnh dự án đầu tư công (nếu có) theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b. Đánh giá việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi đầu tư phát triển cho các dự án, công trình trong năm 2017 theo Luật Đầu tư công; thời gian phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư và kết quả thanh toán nợ XDCB thuộc nguồn NSNN.

c. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2017:

- Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2017 bao gồm giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết Quý II/2017 (gồm thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư), dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến 31/12/2017; kèm theo biểu phụ lục chi tiết từng dự án, có số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2016, kế hoạch vốn và ước thực hiện năm 2017 kèm theo thuyết minh;

- Tiến độ thực hiện các chương trình, dự án quan trọng, các chương trình mục tiêu quốc gia; các dự án sử dụng nguồn vốn ODA (viện trợ ODA và vay ODA), vốn vay ưu đãi thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương, giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và hạ tầng làng nghề ở nông thôn; Tiến độ giải ngân nguồn vốn, khả năng đảm bảo vốn đối ứng;

- Tổng hợp, đánh giá tình hình và kết quả xử lý nợ đọng khối lượng đầu tư XDCB theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015: Số nợ đến 31/12/2016, số xử lý trong năm 2017, dự kiến số còn nợ đến 31/12/2017 (chi tiết danh mục và số nợ của từng dự án); đề xuất, kiến nghị các giải pháp để xử lý các khoản nợ đọng.

d. Đánh giá tình hình huy động, thu hồi và trả nợ các nguồn vốn (kể cả nguồn tạm ứng tồn ngân Kho bạc Nhà nước) để thực hiện các dự án, công trình đầu tư cơ sở hạ tầng. Đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả trong việc bố trí và quản lý vốn NSNN cho các công trình, dự án đầu tư.

đ. Đánh giá tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng

6/2017 và dự kiến đến hết năm 2017; nêu rõ thời gian dự án đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán, nguyên nhân và giải pháp xử lý;

e. Đánh giá tình hình phân bổ, giao chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất cho đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương; thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

f. Đánh giá tình hình thực hiện thu và sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết; việc sử dụng số thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đầu tư các công trình phúc lợi xã hội quan trọng của địa phương, trong đó tập trung đầu tư cho các công trình thuộc các lĩnh vực giáo dục, y tế, hạ tầng nông nghiệp nông thôn theo quy định.

2.2. Chi thường xuyên

a. Tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2017 theo từng lĩnh vực chi được giao; kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý.

b. Báo cáo kết quả việc dừng triển khai và thu hồi các khoản kinh phí chi thường xuyên đã giao trong dự toán đầu năm nhưng đến ngày 30/6/2017 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện, chưa phê duyệt dự toán, chưa tổ chức đấu thầu theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ, Chi thị số 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 1375/UBND-KT ngày 28/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên NSNN năm 2017 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ;

c. Đánh giá tình hình thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm 2017 (*đối với từng chính sách, đề nghị có báo cáo cụ thể đối tượng, trong đó đối với hộ nghèo xác định theo tiêu chí thu nhập thấp; nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2017 và dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2018, có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính*). Cụ thể:

- Chính sách Bảo trợ xã hội quy định tại Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về quy định chính trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

- Chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo:

+ Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3 - 5 tuổi theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 và Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chính sách miễn giảm học phí, chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ;

+ Chính sách hỗ trợ học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động-Thường binh và Xã hội, Tài chính;

+ Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ;

- Chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, cho người cận nghèo, học sinh, sinh viên, người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình;

- Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn:

+ Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn;

+ Chính sách miễn thu thủy lợi phí;

- Đánh giá chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

- Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công khó khăn về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; cựu chiến binh, thanh niên xung phong;

- Chính sách hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh và phòng chống, khắc phục thiên tai, bão lũ cứu đói cho người dân;

- Chính sách đối với trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013-2020 theo Quyết định số 1758/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Tình hình thực hiện chính sách đối với hộ nghèo thu nhập và hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định về chuẩn nghèo đa chiều; thời điểm thực hiện và nguồn ngân sách đảm bảo;

- Tình hình thực hiện các chế độ chính sách phát sinh khác.

d. Tình hình thực hiện cơ cấu lại ngân sách trong các đơn vị sự nghiệp trên cơ sở giảm chi NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với việc điều chỉnh giá, phí đơn vị sự nghiệp công và phương án sử dụng phần giảm chi NSNN để tăng chi thực hiện các chính sách, chế độ an sinh xã hội trên địa bàn.

đ. Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách và sử dụng dự phòng thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ở người và trên gia súc, gia cầm, cây trồng; tình hình sử dụng dự phòng ngân sách thực hiện đến 30/6/2017;

e. Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương năm 2017:

- Đối với các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp:

+ Báo cáo về biên chế, quỹ lương, phụ cấp theo lương;

+ Xác định nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ;

+ Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở, trong đó làm rõ: nguồn sắp xếp, tiết kiệm các khoản chi thường xuyên trong phạm vi dự toán NSNN năm 2017 được giao; nguồn thu được để lại theo chế độ theo lộ trình kết cấu chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lĩnh vực; nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng hết năm 2017 chuyển sang năm 2018 thực hiện điều chỉnh lương cơ sở (nếu có).

- Đối với các huyện, thành phố:

+ Báo cáo quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp thực hiện năm 2016, năm 2017;

+ Nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ.

+ Việc sử dụng nguồn lực của địa phương để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ ngày 01 tháng 07 năm 2017, gồm: nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương); 50% tăng thu NSDP thực hiện so với dự toán năm 2016; số thu được để lại theo chế độ phù hợp với lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lĩnh vực; nguồn cải cách tiền lương còn dư (nếu có).

- Rà soát, xác định nhu cầu kinh phí phụ cấp, trợ cấp đối với vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm

2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.

f. Ngoài ra, các huyện, thành phố đánh giá thêm các nội dung sau:

- Đánh giá công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Khả năng cân đối NSDP so với dự toán, các biện pháp đã và sẽ thực hiện để đảm bảo cân đối NSDP trong trường hợp dự kiến bị giảm thu NSDP.

2.3. *Đánh giá tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (bao gồm cả vốn đầu tư và vốn sự nghiệp)*

a. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi các CTMTQG xây dựng nông thôn mới: kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, vốn trái phiếu Chính phủ, các nguồn huy động khác), số xã hoàn thành mục tiêu chương trình; trường hợp mức cân đối NSDP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan;

b. Tình hình thực hiện CTMTQG giảm nghèo: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, các nguồn huy động khác); trường hợp mức cân đối NSDP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan;

c. Tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, NSDP và các nguồn huy động khác); trường hợp mức cân đối NSDP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan;

d. Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi các CTMTQG, các chương trình mục tiêu và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước: dự toán năm 2017, số dự toán năm 2016 chuyển nguồn thực hiện năm 2017 (nếu có); những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện; trường hợp CTMTQG, CTMT có sử dụng nguồn vốn ngoài nước thì báo cáo tình hình giải ngân chi tiết theo vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, cơ chế tài chính và đề xuất kiến nghị.

II. Xây dựng dự toán NSNN năm 2018 và lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020

Năm 2018, là năm đầu tiên triển khai lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020 làm cơ sở cho việc lập, xem xét quyết định dự toán NSNN năm

2018. Do đó, khi xây dựng dự toán NSNN năm 2018, lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020 cần lưu ý một số nội dung sau:

A. Xây dựng dự toán NSNN năm 2018

1. Xây dựng dự toán thu NSNN

a. Xây dựng dự toán thu nội địa: Xây dựng dự toán thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) tăng bình quân tối thiểu 12-14% so với đánh giá ước thực hiện năm 2017 (loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách) và dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 5 - 7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2017. Xây dựng dự toán thu NSNN năm 2018 phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn); trên cơ sở đánh giá đầy đủ kết quả thực tế thực hiện năm 2016, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, yêu cầu phấn đấu và khả năng thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2017, dự báo tăng trưởng kinh tế trên địa bàn năm 2018 và số kiểm tra dự toán thu năm 2018 đã được thông báo.

b. Dự toán thu NSNN năm 2018 cần lưu ý các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2018 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2018.

c. Các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương cần rà soát, tổng hợp đầy đủ các khoản thu phí, lệ phí theo danh mục quy định tại Luật phí và lệ phí; báo cáo cụ thể từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết: số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN) để có cơ sở giao dự toán thu phí, lệ phí và dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại sát với thực tế.

- Đối với số thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí) tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

- Đối với các khoản thu sự nghiệp (không thuộc danh mục thu phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ, không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các đơn vị, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định.

2. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2018

2.1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển

a. Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN được xây dựng phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công

trung hạn 5 năm 2016–2020, đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công.

b. Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN cần chi tiết theo các lĩnh vực chi phù hợp với quy định của Luật NSNN và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên: (i) bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện CTMTQG, dự án quan trọng, chương trình mục tiêu, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; (ii) vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước; (iii) chỉ bố trí cho các dự án khởi công mới nếu còn nguồn và đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

- Bố trí dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; sử dụng tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Nguồn thu này được tính trong dự toán thu cân đối ngân sách địa phương, sử dụng toàn bộ cho chi đầu tư phát triển, trong đó địa phương bố trí tối thiểu 60% số thu xổ số kiến thiết để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề và y tế; bố trí 10% cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, số thu còn lại bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

2.2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên

a. Các sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND các huyện, thành phố căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2018, xây dựng dự toán chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, đảm bảo đúng chính sách, chế độ và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017 theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Bắc Giang. Trong đó, cần lưu ý:

- Rà soát đầy đủ các chế độ, chính sách để đảm bảo xây dựng dự toán chính xác và thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán.

- Tăng cường trách nhiệm về tính chính xác của số liệu hoặc cơ sở tính của các chế độ, chính sách đối với từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Khắc phục những tồn tại khi xây dựng dự toán quá cao so với khả năng cân đối của ngân sách địa phương như trùng lặp về đối tượng thụ hưởng, thiếu nhiệm vụ chi làm ảnh hưởng đến công tác xây dựng dự toán chung của toàn tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị và địa phương lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm. Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa

chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; giảm tần suất và tiết kiệm tối đa kinh phí tổ chức lễ hội, nhất là lễ hội có quy mô lớn, hội thảo, khánh tiết... sử dụng ngân sách; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, mua sắm ô tô và trang thiết bị đắt tiền; triển khai thực hiện khoán xe ô tô công.

- Đối với dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, dự toán của các cơ quan, đơn vị và địa phương gửi kèm thuyết minh chi tiết về tên công trình; mục tiêu sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng; sự cần thiết, lý do thực hiện; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền; khối lượng công việc dự kiến; thời gian bắt đầu, kết thúc; dự toán kinh phí theo các nguồn vốn và phân kỳ thực hiện hàng năm.

- Các cơ quan, đơn vị và các địa phương căn cứ vào dự kiến số tăng thu sự nghiệp theo lộ trình thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực. Xây dựng dự toán theo hướng giảm cấp chi thường xuyên năm 2018 cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công.

- Đối với quỹ lương, phụ cấp năm 2018: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2018 (bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2017, trừ đi (-) số biên chế giảm trong năm (nghỉ theo chế độ và tinh giản biên chế trong năm 2017, cộng với (+) số bổ sung trong năm 2017), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt (nếu có).

+ Xác định quỹ tiền lương, phụ cấp theo mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm:

. Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT, kinh phí công đoàn);

. Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1.300.000 đồng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo quy định.

b. Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2018

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Lập dự toán chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thuyết minh cụ thể các nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp cơ sở, các nhiệm vụ thường xuyên và không thường xuyên khác của tổ chức khoa học và công nghệ.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các chính sách khác.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án giảm quá tải bệnh viện năm 2018 theo từng Dự án, nhiệm vụ và các nguồn kinh phí để thực hiện; nhu cầu kinh phí NSNN phải đảm bảo chi trả tiền lương, chế độ phụ cấp đặc thù chưa kết cấu vào giá dịch vụ y tế, chế độ phụ cấp chống dịch theo quy định; dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn, kinh phí thanh tra, kinh phí phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm.

Dự kiến tác động đối với dự toán NSNN năm 2018 khi triển khai thực hiện Thông tư 02/2017/TT-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT trong các cơ sở khám, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; kinh phí thực hiện công tác quy hoạch; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công. Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

- Chi quản lý hành chính, thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi,...) năm 2018 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

+ Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2018 được xác định bằng dự toán năm 2017 theo Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội Quần chúng.

- Chi đảm bảo xã hội: Rà soát và lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội: kinh phí chính sách Bảo trợ xã hội quy định lại Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về quy định chính trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; kinh phí thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng ngân sách lễ, tết,

ngày thương binh liệt sỹ 27/7; chính sách hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội,...

- Xây dựng và tổng hợp dự toán chi thường xuyên lĩnh vực tương ứng dự toán chi đảm bảo hoạt động của các lực lượng chức năng thực hiện nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính, các nhiệm vụ chi trước đây được thực hiện bằng nguồn thu phí, lệ phí được để lại đơn vị mà theo Luật NSNN năm 2015 các khoản phí, lệ phí này được nộp vào NSNN.

c. Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương

Năm 2018, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định. Trong đó:

- Các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể cấp tỉnh trên cơ sở dự toán NSNN được giao, tiết kiệm chi thường xuyên. Đồng thời, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có nguồn thu được giao tự chủ phần đầu tăng thu cùng với lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ và sử dụng nguồn thu này ưu tiên để thực hiện cải cách tiền lương.

- Ngân sách cấp huyện, cấp xã tiếp tục cơ chế tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất), bao gồm tăng thu thực hiện năm 2017 so dự toán năm 2017, tăng thu dự toán năm 2018 so với dự toán năm 2017; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư.

d. Bố trí dự phòng NSNN: Ngân sách các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh khác ngoài dự toán.

đ. Dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ

Các đơn vị, UBND các huyện, thành phố thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ quy định và tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách của các đơn vị và của UBND các huyện, thành phố.

e. Xây dựng báo cáo các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố ở địa phương lập báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2017 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2018 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cùng dự toán NSNN năm 2018 theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

B. Lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020

Bên cạnh nhiệm vụ xây dựng dự toán NSNN năm 2018, căn cứ các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 -2020, kế hoạch đầu tư công trung

hạn giai đoạn 2016 - 2020, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 3 năm 2018 - 2020 của tỉnh, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố thuộc phạm vi quản lý của mình thực hiện lập kế hoạch tài chính 03 năm 2018 - 2020 theo Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm; Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm; Điều 14, 15, 16, 17 của Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13/7/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 và văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh về lập kế hoạch tài chính 05, kế hoạch tài chính chính -NSNN 03 năm tỉnh Bắc Giang gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước khi hoàn chỉnh, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2018.

III. Biểu mẫu báo cáo

1. Đối với dự toán năm 2018: Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo dự toán năm 2018 theo các mẫu biểu tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP; mẫu biểu tại Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13/7/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 và các biểu mẫu đính kèm Công văn này.

2. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018-2020:

- Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Biểu mẫu số 01 và biểu mẫu số 04 (mục 1 - chi đầu tư phát triển) quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính.

+ Biểu mẫu số 07; biểu mẫu số 11 (mục 1 - chi đầu tư phát triển) và biểu mẫu số 12 (điểm 1, mục I, phần B- Chi đầu tư phát triển và mục II, phần B - Chi các chương trình MTQG vốn đầu tư và vốn sự nghiệp; chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các dự án từ nguồn bổ sung từ NSTW) quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính.

- Đối với Cục thuế tỉnh:

+ Mẫu biểu số 02, 03 quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

+ Mẫu biểu số 08, 09, 10 quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Đối với Chi cục Hải quan quản lý các Khu công nghiệp:

+ Mẫu biểu số 02, 03 quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

+ Mẫu biểu số 08, 09, 10 quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:

+ Mẫu biểu từ số 20 đến số 22 quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính.

+ Mẫu biểu từ số 13 đến số 19 quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính.

- Đối với các huyện, thành phố: Mẫu biểu từ số 01A đến số 12A đính kèm công văn này.

Các biểu mẫu hướng dẫn tại Công văn này được đăng tải trên website của Sở Tài chính Bắc Giang tại địa chỉ: <http://stc.bacgiang.gov.vn>

IV. Về thời gian gửi báo cáo

Đề nghị các đơn vị gửi báo cáo đánh giá dự toán NSNN năm 2017, xây dựng dự toán NSNN năm 2018 và lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020 về Sở Tài chính trước ngày 25/7/2017 (bản giấy và bản điện tử) để Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài chính. Trong đó:

- Đối với UBND các huyện, thành phố và cơ quan Đảng: gửi Phòng Quản lý Ngân sách theo địa chỉ ngansach_stc@bacgiang.gov.vn;

- Đối với các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; các cơ quan đoàn thể: gửi Phòng Hành chính sự nghiệp theo địa chỉ HCSN_stc@bacgiang.gov.vn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Bộ Chỉ huy quân sự, Công an tỉnh;
- Chi cục Hải quan quản lý các Khu công nghiệp;
- Lưu VT, NS.

Bản điện tử:

- Như kính gửi
- Cục Thuế tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Phòng TC-KH các huyện, TP;
- Phòng HCSN, ĐT; DN;
- Tin học và TKTC; VP.

(để
b/c)



Nguyễn Tiến Cơi

